



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 22

Ngày 15 tháng 5 năm 2012

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

25-4-2012	Chỉ thị số 13/2012/CT-UBND về tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố.	03
-----------	--	----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

20-4-2012	Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành.	08
-----------	--	----

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

27-4-2012	Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ huyện Nhà Bè.	11
-----------	--	----

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

20-4-2012	Quyết định số 2109/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2012.	14
24-4-2012	Quyết định số 2146/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.	22

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2012/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2012***CHỈ THỊ****Về tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh
dịch vụ phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố**

Trong những năm qua, cùng với quá trình đầu tư, xây dựng, phát triển kinh tế, thành phố luôn đặc biệt quan tâm giải quyết tốt các vấn đề xã hội, phát triển giáo dục, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, từng bước chấn chỉnh nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước các hoạt động dịch vụ văn hóa - xã hội, đẩy mạnh phòng chống tệ nạn xã hội, góp phần tích cực vào việc ngăn chặn, kéo giảm tệ nạn xã hội, đưa các hoạt động dịch vụ văn hóa đi dần vào nề nếp và tuân thủ đúng pháp luật.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa thật sự vững chắc; thời gian gần đây, hoạt động kinh doanh biến tướng không đúng chức năng ngành nghề đã đăng ký, phát sinh các tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, gây ra những bức xúc trong dư luận xã hội. Nguyên nhân chủ yếu là do một bộ phận doanh nghiệp vì lợi ích riêng đã cố tình vi phạm quy định pháp luật; cơ chế phân công và phối hợp quản lý giữa các ngành, các cấp, các đoàn kiểm tra liên ngành thiếu chặt chẽ, đồng bộ; vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhất là ở địa bàn quận - huyện, phường - xã chưa được phát huy đúng mức, trong công tác tuyên truyền, giáo dục, giám sát các

hoạt động dịch vụ văn hóa dễ nảy sinh tệ nạn xã hội; các quy định pháp luật trong thanh tra, kiểm tra, xử lý còn nhiều điểm chưa hợp lý, chưa đủ sức răn đe. Trách nhiệm quản lý ngay tại địa bàn dân cư (phường, xã, thị trấn; khu phố, tổ dân phố, tổ nhân dân) còn nhiều yếu kém.

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, tích cực đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn xã hội phát sinh trên địa bàn, Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công tổ chức kiểm điểm nghiêm túc việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ phát sinh tệ nạn xã hội nhất là tình trạng một số cơ sở kinh doanh dịch vụ có các hoạt động biến tướng trên địa bàn; phân tích kỹ nguyên nhân, đồng thời xây dựng kế hoạch, biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, kiên quyết xử lý các sai phạm kể cả truy tố theo quy định pháp luật.

b) Chủ động phối hợp tổ chức tổng kiểm tra lập lại trật tự trên lĩnh vực kinh doanh văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội; Kiểm tra chức năng ngành nghề, điều kiện kinh doanh, yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy của các cơ sở kinh doanh dịch vụ, lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao được kinh doanh các ngành nghề hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện theo quy định; kiên quyết đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tước quyền sử dụng giấy phép, đình chỉ các hoạt động chưa đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh theo quy định.

c) Rà soát việc cấp phép đăng ký kinh doanh đối với các cơ sở có dấu hiệu hoặc đang kinh doanh dịch vụ phát sinh tệ nạn xã hội, các cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nhưng chưa đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định; xác định cụ thể đối tượng, hành vi vi phạm và đề xuất biện pháp xử lý theo quy định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhằm xử lý kiên quyết các ngành nghề dịch vụ văn hóa dễ phát sinh tệ nạn xã hội.

d) *Căn cứ nhu cầu, tình hình quản lý thực tế tại địa phương, xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh karaoke, vũ trường, dịch vụ xoa bóp trên địa bàn giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến năm 2025, báo cáo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.*

2. Thủ trưởng các sở - ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội,... có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa

các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa; phòng, chống tệ nạn xã hội; y tế; cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để xác định, tổng hợp các nội dung quy định có sự mâu thuẫn, chồng chéo, hoặc chưa sát hợp với thực tế; đề xuất, kiến nghị các nội dung cần điều chỉnh, hoặc bổ sung, sửa đổi các quy định quản lý nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước; bổ sung, điều chỉnh Quy chế phối hợp kiểm tra liên ngành phòng, chống tệ nạn xã hội.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp các sở - ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

a) Rà soát, lập danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm, các cơ sở kinh doanh dịch vụ, lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao được kinh doanh các ngành nghề hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện theo quy định theo địa bàn quận - huyện, phường - xã, thị trấn, trong đó nêu rõ các trường hợp cấp phép mới, cấp phép do chuyển đổi địa điểm kinh doanh; định kỳ hàng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ này, phương án, tiến độ xử lý các trường hợp vi phạm và các biện pháp khắc phục, kiên quyết lập lại an ninh, trật tự trên địa bàn.

b) *Thường xuyên kiện toàn nhân sự các Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội thành phố và quận - huyện; bổ sung lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố vào Ban Chỉ đạo liên ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện làm Trưởng Ban Chỉ đạo. Đề xuất thành lập thêm các Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội thành phố và một số quận - huyện trọng điểm; trang bị đủ điều kiện phương tiện cho công tác thanh kiểm tra. Tăng cường phối hợp kiểm tra thường xuyên, liên tục đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm, kiên quyết xử lý đối với các hành vi vi phạm. Xây dựng phương án phối hợp Công an Thành phố giải quyết tình trạng các cơ sở kinh doanh ngành nghề nhạy cảm sử dụng lực lượng đe dọa, nhấn tin đe dọa, có các hành vi gây khó khăn, cản trở các thành viên Đoàn Kiểm tra thi hành nhiệm vụ.*

c) *Xây dựng quy hoạch ngành nghề karaoke, vũ trường trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, kiên quyết không cấp phép đối với hoạt động kinh doanh ngoài quy hoạch được phê duyệt.*

4. Giám đốc Sở Y tế tăng cường kiểm tra, rà soát các điểm hoạt động bấm huyệt, xoa bóp (massage), xông hơi, y học cổ truyền biến tướng, kiên quyết đình chỉ hoạt động các cơ sở biến tướng, trá hình; tiến hành khảo sát và kiến nghị thống nhất quản lý các cơ sở hoạt động “spa”; xác định tiêu chuẩn được phép hoạt động ngành y học

cổ truyền. Định kỳ hàng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình cấp phép và hoạt động của các cơ sở y học cổ truyền, day ấn huyết, xông hơi thuốc, xoa bóp. Phối hợp Sở Công Thương làm rõ nguồn gốc, tác hại của thuốc Shisa và đề xuất xử lý theo quy định pháp luật. *Chủ trì phối hợp các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện rà soát, đề xuất quy hoạch ngành nghề dịch vụ xoa bóp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025.*

5. Giám đốc Sở Công Thương phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ các mã ngành theo Quyết định số 399/QĐ-BKH ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành Quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, xây dựng hướng dẫn các quy chuẩn và hoạt động quán bar, vũ trường trên địa bàn thành phố.

6. Giám đốc Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy chỉ đạo kiểm tra, thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở kinh doanh, các địa điểm hoạt động biến tướng quán bar, vũ trường... có nguy cơ cháy nổ cao; kiên quyết đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở chưa đảm bảo đủ các thủ tục theo quy định và các cơ sở kinh doanh khi chưa được thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy.

7. Giám đốc Công an Thành phố chịu trách nhiệm truy quét, xử lý các băng nhóm xã hội đen, bảo kê, đeo bám hoạt động của các đội kiểm tra liên ngành thành phố, quận - huyện; chỉ đạo, giao trách nhiệm cho Trưởng Công an quận - huyện, phường - xã, thị trấn quản lý chặt chẽ địa bàn, không để các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa trái phép, biến tướng, dễ phát sinh tệ nạn xã hội xảy ra trên địa bàn quản lý; kịp thời xử lý chấn chỉnh các hành vi vi phạm, tiềm ẩn tệ nạn xã hội, tạo môi trường văn hóa lành mạnh.

8. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên chỉ đạo các cơ quan báo, đài thành phố tổ chức thông tin, tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các cơ sở kinh doanh dịch vụ có nguy cơ phát sinh tệ nạn xã hội. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Báo, Đài của Trung ương trên địa bàn góp phần đấu tranh chống các tệ nạn xã hội.

9. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố biện pháp kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn để phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nhà nước có mặt bằng cho thuê để kinh doanh dịch vụ nhạy cảm vi phạm nhiều lần, trình Ủy ban nhân dân Thành phố trong tháng 5 năm 2012.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Thành Đoàn, Liên hiệp Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân và các đoàn thể chính trị, xã hội thành phố tích cực hưởng ứng và tham gia thực hiện các nhiệm vụ phòng và chống tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, lồng ghép nội dung vận động đoàn viên, hội viên ở cơ sở đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” kết hợp với phong trào “Xây dựng phường lành mạnh, không có tệ nạn ma túy, mại dâm”.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện Chỉ thị này, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết nhanh chóng, kịp thời những khó khăn, vướng mắc; kịp thời báo cáo, kiến nghị đề xuất các Bộ - ngành liên quan giải quyết những nội dung vượt thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, phối hợp Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) theo dõi tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị này tại các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, đề xuất khen thưởng định kỳ, đột xuất đối với những đơn vị, địa phương thực hiện tốt; hoặc hạ bậc thi đua, tước danh hiệu thi đua đối với địa phương và người đứng đầu địa phương để xảy ra tệ nạn xã hội trên địa bàn quản lý được phân công.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2012/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 20 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận Tân Bình tại Tờ trình số 61/TTr-TP ngày 06 tháng 3 năm 2012 về rà soát, cập nhật hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 04 văn bản quy phạm pháp luật (gồm 02 Quyết định và 02 Chỉ thị) do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành hết hiệu lực thi hành (*theo danh mục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau bảy ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các ban, ngành

quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Châu Văn La

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên và nội dung văn bản
1	01/2006/QĐ-UBND	14/02/2006	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm dạy nghề quận Tân Bình.
2	11/2006/QĐ-UBND	16/10/2006	Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận Tân Bình.
3	01/2011/CT-UBND	14/01/2011	Chỉ thị về tổ chức thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2011.
4	02/2011/CT-UBND	16/3/2011	Chỉ thị về triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội; phấn đấu thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, ngân sách quận năm 2011.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2012/QĐ-UBND

Nhà Bè, ngày 27 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức
và hoạt động của Phòng Nội vụ huyện Nhà Bè****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh niên ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2011/TT-BNV ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn bổ sung nhiệm vụ, tổ chức và biên chế của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện về công tác thanh niên;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 140/TTr-NV ngày 24 tháng 4 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ huyện Nhà Bè ban hành kèm theo Quyết định số 136/2009/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 như sau:

Phòng Nội vụ huyện có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tổ chức, biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp Nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; cán bộ, công chức xã, thị trấn; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo, dân tộc; thi đua khen thưởng và quản lý nhà nước về công tác thanh niên.

2. Bổ sung Điều 2a như sau:

“Điều 2a. Nhiệm vụ và quyền hạn về công tác thanh niên

1. Trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác thanh niên được giao;

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về thanh niên và công tác thanh niên sau khi được phê duyệt;

3. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên được giao”.

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 3 như sau:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, trình độ, năng lực của công chức, Phòng Nội vụ huyện tổ chức các bộ phận gồm những công chức được phân công theo dõi thực hiện các mặt công tác sau:

- Xây dựng bộ máy chính quyền;
- Tổ chức bộ máy, biên chế;
- Công tác cải cách hành chính;
- Công tác Dân chủ cơ sở;
- Công tác cán bộ, chính sách cán bộ và đào tạo bồi dưỡng cán bộ;
- Công tác Tôn giáo, dân tộc và quản lý các Hội;

- Công tác thi đua - khen thưởng;
- Công tác tổng hợp, thống kê hành chính;
- Công tác văn thư - lưu trữ;
- Công tác thanh niên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2109/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát
văn bản quy phạm pháp luật năm 2012****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1413/TTr-STP ngày 21 tháng 3 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2012 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Giám đốc

Trung tâm Công báo Thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2012

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2109/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình công tác của ngành Tư pháp năm 2012 ban hành kèm theo Quyết định số 172/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách thành phố năm 2012;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2012 với những nội dung sau:

I. NỘI DUNG CÔNG TÁC

1. Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật:

a) Công tác tự kiểm tra:

Tổ chức tự kiểm tra 100% văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2012.

b) Công tác kiểm tra văn bản theo thẩm quyền:

Kiểm tra 100% văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành gửi đến Sở Tư pháp để kiểm tra; văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, Hội đồng nhân dân xã, thị trấn ban hành gửi đến Phòng Tư pháp quận, huyện để kiểm tra; kịp thời phát hiện những văn bản có dấu hiệu trái pháp luật và thông báo kịp thời cho cơ quan đã ban hành văn bản tiến hành tự kiểm tra và xử lý.

c) Tổ chức kiểm tra chuyên đề:

Tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành do Sở Tư pháp làm Trưởng đoàn, kiểm tra về công tác ban hành và kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại các đơn vị sau:

- Ủy ban nhân dân quận 4, quận 6, quận 7, quận 8, quận 9, quận 11, quận Gò Vấp, quận Thủ Đức, huyện Củ Chi và huyện Nhà Bè.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật

a) Chủ động tổ chức rà soát thường xuyên các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành khi cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản mới, hoặc tình hình kinh tế - xã hội thay đổi làm cho văn bản không còn phù hợp;

b) Tổ chức rà soát chuyên đề theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:

a) Tổ chức rà soát văn bản phục vụ việc cập nhật hiệu lực văn bản theo quy định của Quy chế quản lý, sử dụng Trang thông tin điện tử Công báo Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 68/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Thực hiện cập nhật vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh đối với toàn bộ văn bản do Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành còn hiệu lực thi hành.

c) Thu thập, rà soát đối với văn bản hướng dẫn do các Sở - ngành thành phố ban hành; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh đối với văn bản còn hiệu lực thi hành.

4. Tổ chức tập huấn công tác kiểm tra văn bản:

Tổ chức tập huấn Quy chế về công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố cho các đối tượng là cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản.

II. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp:

a) Tổ chức tự kiểm tra đối với văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Tư pháp;

b) Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản do Ủy ban nhân dân quận, huyện gửi đến Sở Tư pháp để kiểm tra (cả năm);

c) Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về kiểm tra văn bản tại các quận, huyện; xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả kiểm tra (tháng 8/2012);

d) Tổ chức Hội nghị tập huấn công tác kiểm tra văn bản năm 2012 (tháng 5/2012);

e) Thực hiện công tác rà soát văn bản phục vụ việc cập nhật hiệu lực văn bản vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thành phố (Điểm a Khoản 3 Mục I Kế hoạch này (báo cáo 6 tháng/lần));

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành rà soát các quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm (theo Chỉ thị số 05/2012/CT-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh) (Quý 3/2012);

h) Chủ trì làm đầu mối, hướng dẫn Sở - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai thực các nội dung khác của Kế hoạch này.

2. Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố:

a) Tổ chức tự kiểm tra đối với các văn bản do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành có nội dung thuộc lĩnh vực được giao phụ trách. Thời gian thực hiện: báo cáo kết quả 6 tháng/lần.

b) Chủ động rà soát thường xuyên văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành có nội dung thuộc lĩnh vực được giao phụ trách. Thời gian thực hiện: báo cáo kết quả 6 tháng/lần.

c) Chủ trì tổ chức rà soát theo các chuyên đề, lĩnh vực sau:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát quy định về kiểm tra, kiểm soát, quản lý, gây nuôi động vật hoang dã (theo Chỉ thị số 29/2011/CT-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường thực hiện các biện pháp để quản lý, bảo vệ và phát triển các loài động vật hoang dã trên địa bàn thành phố). Thời gian thực hiện xong: Quý 2/2012.

- Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (theo Thông báo số 42/TB-VP ngày 24 tháng 01 năm 2011 thông báo nội dung kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thanh tra về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố; Thông báo số

576/TB-VP ngày 29 tháng 8 năm 2011 thông báo nội dung kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Nguyễn Hữu Tín tại cuộc họp về Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2011). Thời gian thực hiện xong: Quý 2/2012.

Rà soát các quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để chấn chỉnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai). Thời gian thực hiện xong: Quý 2/2012.

- Công an Thành phố rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc thi hành Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (theo Quyết định số 1785/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thi hành Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ).

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc thi hành Luật Phòng, chống mua bán người (Quyết định số 1173/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống mua bán người). Thời gian thực hiện xong: Quý 2/2012.

d) Các Sở - ngành thành phố (theo danh sách đính kèm) có trách nhiệm thu thập, rà soát đối với văn bản hướng dẫn do mình ban hành và gửi văn bản điện tử để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo điện tử thành phố đối với những văn bản còn hiệu lực thi hành (trước đây chưa gửi đăng Công báo).

e) Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện công tác rà soát văn bản do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành phục vụ cho việc cập nhật hiệu lực văn bản vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của thành phố;

g) Cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành do Sở Tư pháp làm Trưởng đoàn để thực hiện công tác kiểm tra văn bản tại quận, huyện theo nội dung tại Điểm c Khoản 1 Mục I Kế hoạch này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Chỉ đạo tổ chức công tác tự kiểm tra và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền (quy định tại Mục I Kế hoạch này);

b) Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện Kế hoạch kiểm tra văn bản tại các quận, huyện (Điểm c Khoản 1 Mục I Kế hoạch này).

c) Tổ chức rà soát thường xuyên 6 tháng/lần đối với văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, kiểm tra và gửi văn bản (văn bản điện tử) còn hiệu lực để cập nhật trên Trang Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của thành phố (đối với những văn bản chưa gửi đăng Công báo);

Rà soát chuyên đề theo kế hoạch chung của các Sở - ngành thành phố; rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Thi hành án hình sự; quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; quy định về công tác thi đua khen thưởng; quy định về thẩm định, phê duyệt quy hoạch, cung cấp thông tin về quy hoạch, giấy phép quy hoạch.

4. Trung tâm Công báo Thành phố:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Sở - ngành thành phố về việc gửi văn bản điện tử để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thành phố;

b) Tổ chức cập nhật vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thành phố đối với các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận, huyện, văn bản hướng dẫn của Sở - ngành còn hiệu lực thi hành.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra và xử lý văn bản thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát văn bản thực hiện Kế hoạch này theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

PHỤ LỤC**Danh sách các Sở - ngành thành phố thực hiện việc thu thập, rà soát và cập nhật văn bản hướng dẫn vào cơ sở dữ liệu Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thành phố**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2012 về việc ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2012)

1. Sở Nội vụ
2. Sở Y tế
3. Sở Giáo dục và Đào tạo
4. Sở Thông tin và Truyền thông
5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
7. Sở Giao thông vận tải
8. Sở Xây dựng
9. Sở Công Thương
10. Sở Quy hoạch - Kiến trúc
11. Sở Tài nguyên và Môi trường
12. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
13. Sở Kế hoạch và Đầu tư
14. Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy
15. Công an Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2146/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1722/TTr-STP ngày 13 tháng 4 năm 2012; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 12 (mười hai) thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Thủ tục hành chính mới ban hành: 11 thủ tục (*theo danh mục đính kèm*)
2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 01 thủ tục (*theo danh mục đính kèm*)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2146/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Thủ tục hành chính ban hành mới
a	Lĩnh vực bổ trợ tư pháp
1	Thủ tục đề nghị bổ nhiệm công chứng viên (đối với trường hợp được miễn đào tạo nghề công chứng, được miễn tập sự hành nghề công chứng)
2	Thủ tục đề nghị cấp thẻ công chứng viên
3	Thủ tục đề nghị cấp lại thẻ công chứng viên (đối với trường hợp thay đổi nơi hành nghề công chứng hoặc bị mất thẻ hoặc thẻ bị hư hỏng)
4	Thủ tục công chứng văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở
b	Lĩnh vực hành chính tư pháp
5	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam
6	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam
7	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam
8	Thủ tục xác nhận có quốc tịch Việt Nam
9	Thủ tục xác nhận là người gốc Việt Nam
10	Thủ tục ghi chú việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài
11	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội
II	Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
01	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2 cho cá nhân

Phần II**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****I. LĨNH VỰC BỔ TRỢ TƯ PHÁP**

1. Thủ tục đề nghị bổ nhiệm công chứng viên (đối với trường hợp được miễn đào tạo nghề công chứng, được miễn tập sự hành nghề công chứng)

- Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của những giấy tờ, tính chính xác của các thông tin đã khai trong hồ sơ và thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

b) Bước 2: Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ:

- Kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Nghiên cứu, thẩm tra hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, quyết định việc đề nghị Bộ Tư pháp bổ nhiệm hay từ chối đề nghị bổ nhiệm công chứng viên.

+ Có văn bản đề nghị bổ nhiệm công chứng viên kèm hồ sơ gửi Bộ Tư pháp (nếu Sở Tư pháp quyết định đề nghị bổ nhiệm).

+ Có văn bản từ chối đề nghị bổ nhiệm công chứng viên nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ qua đường bưu điện (nếu Sở Tư pháp quyết định từ chối đề nghị bổ nhiệm).

- Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị bổ nhiệm Công chứng viên;

+ Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bằng thạc sỹ luật hoặc bằng tiến sỹ luật (phải mang theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy tờ chứng minh là người được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng, tùy theo từng trường hợp cụ thể là một trong các giấy tờ sau đây:

• Bản sao có chứng thực Quyết định bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh thẩm phán, bản sao có chứng thực Giấy chứng minh kiểm sát viên, bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận điều tra viên.

• Bản sao có chứng thực Quyết định phong hàm Giáo sư, Phó Giáo sư chuyên ngành luật; bản sao có chứng thực bằng tiến sỹ luật.

• Bản sao có chứng thực Quyết định bổ nhiệm thẩm tra viên cao cấp ngành Tòa án, kiểm tra viên cao cấp ngành Kiểm sát, chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

• Đối với luật sư đã hành nghề từ ba năm trở lên thì phải có bản sao có chứng thực thẻ luật sư và Giấy xác nhận của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó xác nhận rõ về thời gian hành nghề luật sư.

• Các giấy tờ khác chứng minh là người được miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật.

+ Giấy tờ chứng minh về thời gian công tác pháp luật từ năm năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Sơ yếu lý lịch;

+ Giấy chứng nhận sức khỏe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (tại Sở Tư pháp).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản đề nghị bổ nhiệm công chứng viên.

- **Lệ phí:** không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị bổ nhiệm Công chứng viên (Mẫu TP-CC-01).

+ Sơ yếu lý lịch (Mẫu TP-CC-01).

+ Giấy chứng nhận sức khỏe (Mẫu do Bộ Y tế ban hành)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được xem xét, bổ nhiệm làm công chứng viên:

- Có bằng cử nhân luật;
- Có thời gian công tác pháp luật từ năm năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức;
- Có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề công chứng;
- Đã qua thời gian tập sự hành nghề công chứng;
- Có sức khỏe bảo đảm hành nghề công chứng.

2. Không thuộc các trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên:

• Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xoá án tích về tội phạm do vô ý; đã bị kết án về tội phạm do cố ý.

• Người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

• Người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

• Cán bộ, công chức, viên chức bị buộc thôi việc.

• Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư do bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xoá tên khỏi danh sách của Đoàn Luật sư, bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề luật sư.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Công chứng số 82/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

+ Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2008.

+ Thông tư số 11/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công chứng viên, tổ chức và hoạt động công chứng, quản lý nhà nước về công chứng, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2011.

+ Thông tư số 13/2007/TT-BYT ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe, có hiệu lực thi hành ngày 24 tháng 12 năm 2007.

+ Quyết định số 01/2008/QĐ-BTP ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số mẫu giấy tờ dùng trong hoạt động công chứng, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 3 năm 2008.

ảnh

3x4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ BỎ NHIỆM CÔNG CHỨNG VIÊN

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Tên tôi là..... Nam, nữ:

Sinh ngày...../...../.....

Nơi sinh:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp...../...../.....

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Chỗ ở hiện nay:

Đã được cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề công chứng số:.....

.....ngày...../...../.....

Nơi cấp:

Đã hoàn thành tập sự hành nghề công chứng tại

từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

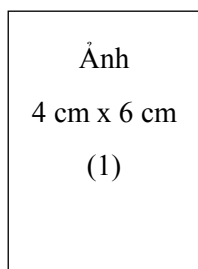
(Trường hợp được miễn đào tạo, tập sự hành nghề công chứng thì ghi rõ việc miễn và lý do được miễn)

Tôi làm Đơn này đề nghị được bỏ nhiệm công chứng viên để hành nghề công chứng tại..... Tôi cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên:.....Nam, nữ.....

Tên thường gọi:.....

Sinh ngày:...../...../..... Nơi sinh:.....

Chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:...../...../.....(2)

Nơi cấp:.....

Dân tộc:.....Tôn giáo:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: (3).....

Địa chỉ liên hệ:.....Điện thoại:.....

Ngày kết nạp vào Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:...../...../.....

Ngày kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam:...../...../..... Ngày chính thức:...../...../.....

Bằng cử nhân luật/thạc sỹ luật/tiến sỹ luật số:.....

Ngày cấp...../...../.....

Nơi cấp:.....

Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề công chứng số:.....

Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:

Được miễn đào tạo nghề công chứng: (4).....

Là người tập sự hành nghề công chứng của tổ chức hành nghề công chứng:.....

.....

Thời gian tập sự hành nghề công chứng từ...../...../.....đến...../...../.....(5)

Nơi tập sự hành nghề công chứng:

Được miễn tập sự hành nghề công chứng: (6)

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thực, nếu có điều gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận của cơ quan quản lý hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (9) Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Người khai Sơ yếu lý lịch có trách nhiệm khai đầy đủ vào nội dung các mục trong Sơ yếu lý lịch và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình;

(1): Dán ảnh (4cm x 6cm) và có đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận;

(2): Khai chính xác số CMND; ngày cấp; nơi cấp và CMND đang còn giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật;

(3): Khai chính xác nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;

(4): Ghi rõ lý do được miễn đào tạo nghề công chứng;

(5): Ghi rõ thời gian tập sự hành nghề công chứng từ ngày...tháng...năm.... đến ngày... tháng... năm.....;

(6): Ghi rõ lý do được miễn tập sự hành nghề công chứng;

(7): Khai đầy đủ quá trình hoạt động của bản thân (từ ngày...tháng...năm... đến ngày... tháng... năm...: làm gì? ở đâu?);

(8): Khai rõ các hình thức khen thưởng, kỷ luật;

(9): Đối với trường hợp đề nghị bổ nhiệm công chứng viên hành nghề tại Phòng công chứng có xác nhận của Sở Tư pháp; đối với trường hợp đề nghị bổ nhiệm công chứng viên hành nghề tại Văn phòng công chứng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2007/TT-BYT
ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Sở Y tế:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

Ảnh màu
(4 x 6 cm)

Họ và tên (viết chữ in hoa):

Giới: Nam nữ Sinh ngày/tháng/năm/...../.....

Số CMND hoặc hộ chiếu: cấp ngày...../...../..... tại.....

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Đối tượng: 1. Học sinh, sinh viên 2. Người lao động

Loại hình khám sức khỏe:

1. Khi làm hồ sơ dự tuyển 2. Khi tuyển dụng 3. Theo yêu cầu

Lý do khám sức khỏe (ghi cụ thể ngành, nghề, công việc.... sẽ theo học hoặc làm việc):

.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh sau đây không: Tăng huyết áp, bệnh tim, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, liệt, bệnh khác...

1 - không 2 - có Ghi cụ thể tên bệnh

Ông (bà) đã/ đang mắc bệnh, tình trạng nào sau đây không?

.....

Bệnh/tình trạng	có	không	Bệnh/tình trạng	có	không
1. Bệnh mắt, thị thực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	18. Mất ngủ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Bệnh tai, mũi, họng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	19. Phẫu thuật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Bệnh tim mạch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	20. Động kinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Cao huyết áp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	21. Chóng mặt/ngất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Giãn tĩnh mạch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	22. Mất ý thức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- | | | | | | |
|------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 6. Hen, viêm phế quản | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 23. Rối loạn tâm thần | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7. Bệnh máu | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 24. Trầm cảm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8. Bệnh đái tháo đường | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 25. Ý định tự tử | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 9. Bệnh tuyến giáp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 26. Mất trí nhớ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 10. Bệnh tiêu hóa | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 27. Rối loạn thăng bằng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 11. Bệnh thận | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 28. Đau đầu nặng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 12. Bệnh ngoài da | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 29. Vận động hạn chế | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 13. Dị ứng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 30. Đau lưng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 14. Bệnh truyền nhiễm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 31. Hút thuốc lá, nghiện rượu, ma túy | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 15. Thoát vị | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 32. Rối loạn vận động | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 16. Bệnh sinh dục | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 33. Cắt cụt | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 17. Mang thai | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 34. Gãy xương/trật khớp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Nếu trả lời bất cứ câu hỏi nào ở trên là “có”, đề nghị mô tả chi tiết:

.....

Câu hỏi khác:

35. Ông (bà) có nhận thấy bản thân có bệnh tật, vấn đề sức khỏe nào không?

Ông (bà) có cảm thấy thật sự khỏe mạnh và phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ được giao không? (*KSK theo yêu cầu không phải trả lời câu hỏi này*).

36. Ông (bà) có đang uống thuốc điều trị nào không?

.....

37. Ông (bà) đã được tiêm chủng những loại vacxin nào?

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Chữ ký của đối tượng khám sức khỏe.....ngày.....tháng.....năm.....

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: _____ cm

Mạch: _____ lần/phút

Cân nặng: _____ kg

Huyết áp: _____ / _____ mmHg

Vòng ngực trung bình: _____ cm

Nhiệt độ: _____ °C

Chỉ số BMI: _____ Nhịp thở: _____ lần/phút

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

II. KHÁM LÂM SÀNG

1. Tuần hoàn:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

2. Hô hấp:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

3. Tiêu hóa:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

4. Thận - Tiết niệu - sinh dục:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

5. Thần kinh:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

6. Tâm thần:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

7. Hệ vận động:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

8. Nội tiết:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

9. Da liễu:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

10. Sản phụ khoa:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

11. Mắt

Thị thực: Không kính: Mắt phải: _____ Mắt trái: _____

Có kính :Mắt phải: _____ Mắt trái: _____

Các bệnh về mắt:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

12. Tai mũi họng:

Tai trái: nói thường: _____ m; nói thầm: _____ m

Tai phải: nói thường: _____ m; nói thầm: _____ m

Bệnh về tai mũi họng:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

13. Răng Hàm Mặt:

Phân loại sức khỏe: _____ Họ tên bác sĩ khám: _____ ký tên: _____

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

1. Xét nghiệm máu

- Công thức máu: Số lượng HC: _____ Bạch cầu: _____ Tiểu cầu _____

- Đường máu

- Khác (nếu có)

2. Xét nghiệm nước tiểu:

- Đường: _____ Protein: _____

- Khác (nếu có)

3. Chẩn đoán hình ảnh

- X quang tim phổi: 1 – Bình thường 2 – Không bình thường , ghi cụ thể:

- Khác (nếu có)

Họ tên người ghi kết quả cận lâm sàng: _____ Ký tên: _____

IV. KẾT LUẬN

Dựa vào những lời khai của đối tượng khám sức khỏe, kết quả khám lâm sàng và cận lâm sàng trên đây, tôi xác nhận về sức khỏe của đối tượng khám sức khỏe như sau:

1. Khỏe mạnh Mắc bệnh tên bệnh: _____

2. Đạt sức khỏe loại: _____

3. Hiện tại đủ/không đủ sức khỏe học tập, làm việc cho ngành nghề, công việc (Ghi cụ thể nếu có), hướng giải quyết (nếu có)

Ngày khám sức khỏe (ngày/tháng/năm):...../...../.....

Ngày hết hạn của giấy chứng nhận sức khỏe ngày/tháng/năm)...../...../.....

NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

(Chức danh, ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục đề nghị cấp thẻ công chứng viên

- Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị cấp thẻ công chứng viên trực tiếp tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh nơi tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hoạt động (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Bước 2: Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

c) Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản gửi Bộ Tư pháp đề nghị cấp thẻ công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ.

d) Bước 4: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định cấp lại thẻ công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5: Sở Tư pháp trao Thẻ công chứng viên cho người nộp hồ sơ (do Bộ Tư pháp gửi qua đường bưu điện).

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Hoặc qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp thẻ công chứng viên (*theo mẫu*);

+ Bản sao có chứng thực Quyết định bổ nhiệm công chứng viên;

+ Một ảnh chân dung (cỡ 2 cm x 3 cm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (tại Sở Tư pháp).

+ 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (tại Bộ Tư pháp).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ công chứng viên

- **Lệ phí (nếu có):** không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp thẻ công chứng viên (Mẫu TP-CC-03).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Công chứng số 82/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

+ Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2008.

+ Thông tư số 11/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công chứng viên, tổ chức và hoạt động công chứng, quản lý nhà nước về công chứng, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2011.

Mẫu TP-CC-03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP THẺ CÔNG CHỨNG VIÊN

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Tên tôi là Nam, nữ:

Sinh ngày...../...../.....

Nơi sinh:

Chứng minh nhân dân số:.....

Ngày cấp...../...../.....

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Đã được bổ nhiệm công chứng viên theo Quyết định số:.../QĐ-BTP ngày...../...../... của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Hiện đang hành nghề công chứng tại:.....(ghi rõ tên và địa chỉ tổ chức hành nghề công chứng).

Tôi cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

Xác nhận của Tổ chức
hành nghề công chứng

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

3. Thủ tục đề nghị cấp lại thẻ công chứng viên (đối với trường hợp thay đổi nơi hành nghề công chứng hoặc bị mất thẻ hoặc thẻ bị hư hỏng)

- Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Công chứng viên đã được cấp thẻ nếu thay đổi nơi hành nghề công chứng hoặc bị mất thẻ hoặc thẻ bị hư hỏng trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) hoặc qua hệ thống bưu chính.

b) Bước 2: Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ.

c) Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản gửi Bộ Tư pháp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ công chứng viên; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do đến người nộp hồ sơ.

d) Bước 4: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định cấp lại thẻ công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5: Sở Tư pháp trao thẻ công chứng viên cho người nộp hồ sơ (do Bộ Tư pháp gửi qua đường bưu điện)

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Hoặc qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại thẻ công chứng viên;

+ Một ảnh chân dung (cỡ 2 cm x 3 cm);

+ Thẻ công chứng viên cũ (trong trường hợp thay đổi nơi hành nghề công chứng; thẻ bị hư hỏng).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (tại Sở Tư pháp).

+ 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (tại Bộ Tư pháp).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ công chứng viên.

- **Lệ phí (nếu có):** không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại thẻ công chứng viên (Mẫu TP-CC-04).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Công chứng số 82/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

+ Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2008.

+ Thông tư số 11/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công chứng viên, tổ chức và hoạt động công chứng, quản lý nhà nước về công chứng, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2011.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI THẺ CÔNG CHỨNG VIÊN

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Tên tôi là Nam, nữ:

Sinh ngày...../...../.....

Nơi sinh:

Chứng minh nhân dân số:.....

Ngày cấp...../...../.....

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Đã được bổ nhiệm công chứng viên theo Quyết định số:...../QĐ-BTP ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Hiện đang hành nghề công chứng tại:.....(ghi rõ tên và địa chỉ tổ chức hành nghề công chứng).

Đã được cấp thẻ công chứng viên số:.....ngày tháng năm cấp

Lý do cấp lại thẻ công chứng viên

Tôi cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

4. Thủ tục công chứng văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở

- Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Người yêu cầu công chứng trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng.

Thời gian nộp hồ sơ tại tổ chức hành nghề công chứng từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30).

b) Bước 2: Công chứng viên trực tiếp nhận và kiểm tra các giấy tờ trong hồ sơ của người có yêu cầu công chứng. Trường hợp hồ sơ yêu cầu công chứng đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật thì thụ lý ghi vào sổ công chứng.

c) Bước 3:

* Đối với hợp đồng, giao dịch đã được soạn thảo sẵn:

- Trong trường hợp có căn cứ cho rằng trong hồ sơ yêu cầu công chứng có vấn đề chưa rõ, việc giao kết hợp đồng, giao dịch có dấu hiệu bị đe dọa, cưỡng ép, có sự nghi ngờ về năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng hoặc có sự nghi ngờ đối tượng của hợp đồng, giao dịch là không có thật thì công chứng viên đề nghị người yêu cầu công chứng làm rõ hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, công chứng viên tiến hành xác minh hoặc yêu cầu giám định; trường hợp không làm rõ được thì có quyền từ chối công chứng.

- Công chứng viên kiểm tra dự thảo hợp đồng, giao dịch; nếu trong dự thảo hợp đồng, giao dịch có điều khoản vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội, đối tượng của hợp đồng, giao dịch không phù hợp với thực tế thì công chứng viên phải chỉ rõ cho người yêu cầu công chứng để sửa chữa. Trường hợp người yêu cầu công chứng không sửa chữa thì công chứng viên có quyền từ chối công chứng.

- Người yêu cầu công chứng tự đọc lại dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc công chứng viên đọc cho người yêu cầu công chứng nghe. Trường hợp người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch. Công chứng viên ghi lời chứng; ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch.

* Đối với hợp đồng, giao dịch đã được soạn thảo do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng:

- Trường hợp nội dung, ý định giao kết hợp đồng, giao dịch là xác thực, không

vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội thì công chứng viên soạn thảo hợp đồng, giao dịch.

- Người yêu cầu công chứng tự đọc dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc công chứng viên đọc cho người yêu cầu công chứng nghe. Trường hợp người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch. Công chứng viên ghi lời chứng; ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp tại trụ sở tổ chức hành nghề công chứng.

+ Việc công chứng có thể được thực hiện ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp người có yêu cầu công chứng là người già yếu không thể đi lại được, người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác không thể đến trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch theo mẫu;

+ Dự thảo văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở.

+ Bản sao giấy tờ tùy thân: chứng minh nhân dân/chứng minh quân đội/Hộ chiếu... của các bên tham gia giao dịch;

+ Bản sao Hợp đồng mua bán nhà ở đã được ký kết (Văn bản xác nhận chưa thực hiện việc bàn giao nhà hoặc trong Hợp đồng thể hiện chưa đến thời điểm bàn giao nhà; Giấy tờ về việc đã thanh toán một phần/toàn bộ số tiền mua bán nhà/căn hộ theo quy định của hợp đồng);

+ Bản sao giấy tờ khác có liên quan đến hợp đồng giao dịch mà pháp luật quy định phải có:

* Giấy tờ chứng minh về tình trạng tài sản chung/riêng (đối với trường hợp bên tặng cho là cá nhân): Án ly hôn chia tài sản/án phân chia thừa kế/văn bản tặng cho tài sản...; Thỏa thuận phân chia tài sản chung riêng/nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung vợ chồng; Văn bản cam kết/thỏa thuận về tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân; Giấy chứng nhận kết hôn/ xác nhận về quan hệ hôn nhân (trong trường hợp sống chung nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn); Giấy tờ xác định về việc tài sản nằm ngoài thời kỳ hôn nhân; Giấy xác nhận về tình trạng hôn nhân (chưa đăng ký kết hôn

từ trước đến nay); Xác nhận về tình trạng hôn nhân từ khi ly hôn (từ khi vợ-chồng chết đến nay chưa đăng ký kết hôn lại...) trên cơ sở đối chiếu với thời điểm tạo dựng tài sản.

* Giấy tờ về thẩm quyền đại diện:

• Trong trường hợp đại diện theo ủy quyền: Hợp đồng ủy quyền được lập đúng hình thức quy định.

• Trong trường hợp một bên là cá nhân: Hộ khẩu.

• Trong trường hợp một bên là pháp nhân: Giấy đăng ký kinh doanh; Con dấu của pháp nhân (để đóng dấu vào văn bản công chứng); Biên bản họp của Hội đồng thành viên/hội đồng quản trị/đại hội cổ đông/ban chủ nhiệm Hợp tác xã/đại hội xã viên về việc chấp thuận hợp đồng giao dịch mua /bán tài sản/hoặc văn bản đồng ý của chủ sở hữu doanh nghiệp đối với giao dịch không thuộc thẩm quyền quyết định của người đại diện theo pháp luật (theo quy định của điều lệ doanh nghiệp và văn bản pháp luật)...; Điều lệ của Doanh nghiệp/Hợp tác xã.

* Chứng minh nhân dân của người làm chứng/người phiên dịch (trong trường hợp cần phải có người làm chứng/người phiên dịch).

(Bản sao quy định trong thành phần hồ sơ là bản chụp, bản in, bản đánh máy hoặc bản đánh máy vi tính nhưng phải có nội dung đầy đủ, chính xác như bản chính và không phải có chứng thực. Khi nộp bản sao thì người yêu cầu công chứng phải xuất trình bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Trường hợp phức tạp: không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hành nghề công chứng

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản công chứng.

- Lệ phí:

a) Phí công chứng:

+ Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch dưới 50 triệu đồng: thu 50.000 đồng/trường hợp.

+ Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng: thu 100.000 đồng/trường hợp.

+ Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch từ trên 100 triệu đồng đến 01 tỷ đồng: thu 0,1% giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch/trường hợp.

+ Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch từ trên 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng: thu 01 triệu đồng + 0,06% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 01 tỷ đồng/trường hợp.

+ Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch từ trên 03 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng: thu 2,2 triệu đồng + 0,05% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 03 tỷ đồng/trường hợp.

+ Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng: thu 3,2 triệu đồng + 0,04% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 05 tỷ đồng/trường hợp.

+ Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch từ trên 10 tỷ đồng: thu 5,2 triệu đồng + 0,03% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 10 tỷ đồng/trường hợp (mức thu tối đa không quá 10 triệu đồng/trường hợp).

b) Thủ lao công chứng: Do tổ chức hành nghề công chứng xác định

c) Chi phí khác: Do người yêu cầu công chứng và tổ chức hành nghề công chứng thỏa thuận.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch (mẫu 01/PYC)

+ Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở (Mẫu Phụ lục 14)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện 1:

+ Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự.

+ Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

+ Người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện.

b) Điều kiện 2: Đối tượng hợp đồng, giao dịch phải có thật.

c) Điều kiện 3: Tài sản giao dịch không bị tranh chấp.

d) Điều kiện 4: Tài sản giao dịch không bị kê biên.

đ) Điều kiện 5:

+ Chỉ được bán cho các đối tượng thuộc diện được sở hữu nhà tại Việt Nam;

+ Nếu bên bán là hộ gia đình, cá nhân hoặc tổ chức không có chức năng kinh doanh bất động sản: nhà ở chưa được bàn giao;

+ Nếu bên bán là doanh nghiệp có chức năng kinh doanh bất động sản thì phải bán qua sàn giao dịch bất động sản, không kể là nhà đã bàn giao hay chưa bàn giao;

e) Điều kiện 6:

+ Giấy tờ, tài liệu của nước ngoài để được sử dụng tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định.

+ Giấy tờ, tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt, bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 (có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2006);

+ Luật Công chứng số 82/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 (có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 07 năm 2007);

+ Luật Nhà ở số 56/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 (có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006);

+ Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự (có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 02 năm 2012);

+ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở (có hiệu lực thi hành ngày 08 tháng 8 năm 2010);

+ Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở (có hiệu lực thi hành ngày 16 tháng 10 năm 2010);

+ Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tư pháp - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng

thực hợp đồng văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất (có hiệu lực ngày 02 tháng 8 năm 2006);

+ Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí công chứng (có hiệu lực ngày 15 tháng 3 năm 2012).

Mẫu số 01/PYC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU YÊU CẦU CÔNG CHỨNG
HỢP ĐỒNG, VĂN BẢN

Kính gửi: Phòng Công chứng số..... tỉnh/thành phố.....

Họ và tên người nộp phiếu:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Email:

Số Fax:

Yêu cầu công chứng về:

Các giấy tờ nộp kèm theo Phiếu này gồm có:

1.....

2.....

3.....

4.....

5.....

6.....

7.....

8.....

9.....

10.....

Thời gian nhận phiếu giờ, ngày...../...../.....

NGƯỜI NHẬN PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NỘP PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 14: Mẫu văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

VĂN BẢN CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NHÀ Ở

- Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành Nghị định số 71/2010/NĐ-CP.

Hai bên chúng tôi gồm:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG (GỌI TẮT LÀ BÊN A)

- Ông (bà): *(nếu là hộ gia đình thì phải ghi tên cả 2 vợ chồng; nếu là tổ chức thì ghi tên tổ chức và người đại diện theo pháp luật)*

- Số CMND:.....do CA.....cấp ngày

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

- Địa chỉ liên hệ

- Số điện thoại liên hệ

- Số tài khoản: (nếu có).....tại ngân hàng.....

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG (GỌI TẮT LÀ BÊN B)

- Ông (bà): *(nếu là hộ gia đình thì phải ghi tên cả 2 vợ chồng)*.....

- Số CMND:.....do CA.....cấp ngày

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

- Địa chỉ liên hệ:

- Số điện thoại liên hệ:.....

- Số tài khoản: (nếu có).....tại ngân hàng.....

Hai bên chúng tôi nhất trí thỏa thuận các nội dung sau đây:

Điều 1: Bên A chuyển nhượng cho Bên B hợp đồng mua bán nhà ở với các nội dung như sau:

1. Tên, số hợp đồng, ngày ký *(hoặc văn bản chuyển nhượng hợp đồng ký ngày nếu chuyển nhượng từ lần thứ hai trở đi)*

2. Bên bán nhà ở: Công ty
3. Loại nhà ở:....., tổng DT sàn XD là.....m²;
4. Địa chỉ nhà ở:.....
5. Giá bán.....đ (bằng chữ.....)
6. Số tiền Bên A đã nộp trước cho bên bán:.....
7. Thời hạn nộp tiền mua bán các đợt tiếp theo.....
8. Thời hạn giao nhận nhà ở:

Điều 2: Các hồ sơ, giấy tờ kèm theo

1. Hợp đồng mua bán nhà ở ký với công ty
2. Các biên lai nộp tiền mua bán nhà ở cho công ty.....
3. Các giấy tờ khác:
4. Thời hạn bàn giao hồ sơ, giấy tờ quy định tại Điều này

Điều 3: Giá chuyển nhượng hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán tiền chuyển nhượng hợp đồng

1. Giá chuyển nhượng hợp đồng là:.....đ
(bằng chữ:.....)

Giá chuyển nhượng này đã bao gồm:

- Khoản tiền mà Bên A đã trả cho bên bán nhà ở (công ty.....) theo hóa đơn (phiếu thu) là:.....đ (bằng chữ.....), bằng.....% giá trị hợp đồng mua bán nhà ở đã ký với công ty.

- Các khoản tiền khác mà Bên A đã chi trả (có hoá đơn, phiếu thu kèm theo):
.....đ (bằng chữ.....)

- Khoản tiền chênh lệch Bên B phải trả thêm cho Bên A ngoài hai khoản tiền nêu trên là:đ (bằng chữ.....)

2. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền Việt Nam, (trả qua tài khoản của bên A hoặc trả bằng tiền mặt

3. Thời hạn thanh toán:

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của hai bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a) Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền nhận chuyển nhượng hợp đồng quy định tại Điều 2 của văn bản này;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về hợp đồng mua bán nhà ở quy định tại Điều 1 của văn bản này là không thuộc diện có tranh chấp, chưa chuyển nhượng cho người khác,.....;

c) Giao hợp đồng mua bán nhà ở (và văn bản chuyển nhượng hợp đồng nếu chuyển nhượng hợp đồng từ lần thứ hai trở đi), các giấy tờ có liên quan đến nhà ở cho Bên B theo thỏa thuận;

d) Cùng với Bên B làm thủ tục chuyển nhượng hợp đồng tại cơ quan công chứng và xác nhận tại công ty.....;

đ) Nộp thuế thu nhập, các nghĩa vụ tài chính khác mà pháp luật quy định thuộc trách nhiệm của Bên A phải nộp và cung cấp cho Bên B biên lai đã nộp nghĩa vụ tài chính theo quy định;

e) Chấm dứt các quyền và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng mua bán nhà ở đã ký với công ty.....kể từ ngày văn bản chuyển nhượng này được công ty..... xác nhận;

g) Nộp phạt vi phạm theo thỏa thuận; bồi thường thiệt hại cho Bên B nếu gây thiệt hại;

h) Các thỏa thuận khác (như phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại...):.....

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a) Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở cho Bên A theo đúng thỏa thuận (có giấy biên nhận do 2 bên ký xác nhận);

b) Tiếp nhận hợp đồng mua bán nhà ở (và văn bản chuyển nhượng hợp đồng nếu chuyển nhượng hợp đồng từ lần thứ hai trở đi), các giấy tờ có liên quan đến nhà ở theo thỏa thuận;

c) Được tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo hợp đồng mua bán nhà ở đã ký với công ty.....(được coi như bên mua nhà ở) kể từ ngày văn bản chuyển nhượng này được công ty.....xác nhận;

d) Cùng với Bên A làm thủ tục xác nhận việc chuyển nhượng hợp đồng tại cơ quan công chứng và xác nhận tại công ty.....vào văn bản này;

đ) Nộp bản sao biên lai thuế thu nhập từ việc chuyển nhượng hợp đồng cho công ty.....

e) Nộp phạt vi phạm theo thỏa thuận; bồi thường thiệt hại cho Bên A gây thiệt hại;

g) Các thỏa thuận khác (như Bên B nộp thuế thu nhập thay cho Bên A; phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại.....).....

Điều 5: Giải quyết tranh chấp

Trong trường hợp có tranh chấp về các nội dung của văn bản này thì các bên bàn bạc, thương lượng giải quyết. Nếu không thương lượng được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Hiệu lực và thời hạn thực hiện hợp đồng

Văn bản chuyển nhượng này có hiệu lực kể từ ngày được công ty.....xác nhận. Văn bản này được lập thành 05 bản và có giá trị pháp lý như nhau; mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu tại cơ quan công chứng, 01 bản chuyển cho cơ quan thuế và 01 bản lưu tại công ty.....

BÊN A

(ký tên, nếu là tổ chức thì đóng dấu)

BÊN B

(ký tên, nếu là tổ chức thì đóng dấu)

Chứng nhận của công chứng

Văn phòng (hoặc Phòng) công chứng.....chứng nhận: các Bên có tên trong văn bản chuyển nhượng này đã nhất trí thỏa thuận về việc Bên chuyển nhượng là ông (bà) (hoặc tổ chức).....là người đã mua nhà ở theo hợp đồng mua bán nhà ở số.....ngày.....tháng.....năm.....ký với công ty.....(hoặc là Bên đã nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở theo văn bản chuyển nhượng hợp đồng ký ngày.....tháng.....năm.....của ông (bà) hoặc tổ chức.....nếu là chuyển nhượng từ lần thứ 2 trở đi) nay chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở này cho Bên nhận chuyển nhượng là ông (bà) hoặc tổ chức.....

Sau khi có chứng nhận này, hai Bên thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước và đề nghị công tyxác nhận vào văn bản chuyển nhượng này./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Công chứng viên

(ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của chủ đầu tư..... (ghi tên công ty bán nhà.....)

(Chủ đầu tư chỉ xác nhận vào văn bản chuyển nhượng này sau khi bên nhận chuyển nhượng đã có biên lai thuế thu nhập hoặc giấy tờ xác nhận việc miễn thuế thu nhập theo quy định)

Công ty.....xác nhận ông (bà) (hoặc tổ chức):.....là người đã mua nhà ở theo hợp đồng mua bán nhà ở số.....ngày.....tháng.....năm.....(hoặc là Bên đã nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở theo văn bản chuyển nhượng hợp đồng ký ngày.....của ông (bà) hoặc tổ chức.....nếu là chuyển nhượng từ lần thứ 2 trở đi), nay công ty.....xác nhận việc chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở giữa ông (bà) hoặc tổ chức.....và ông (bà) hoặc tổ chức.....

Kể từ ngày ký xác nhận này, công ty..... sẽ chấm dứt giao dịch với ông (bà) *hoặc tổ chức*.....và trực tiếp giao dịch với Bên nhận chuyển nhượng hợp đồng là ông (bà) *hoặc tổ chức*.....theo địa chỉ ghi trong văn bản chuyển nhượng này. Bên nhận chuyển nhượng hợp đồng được quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán nhà ở số.....đã ký với công ty chúng tôi./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Công ty
(*ký tên đóng dấu*)

II. LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP

1. Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1:

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam chuẩn bị và hoàn thiện hồ sơ trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam khai báo biết tiếng Việt đủ để hòa nhập theo quy định nhưng không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt do Sở Tư pháp tổ chức phỏng vấn trực tiếp theo Thư mời.

Bước 2: Sở Tư pháp kiểm tra tính hợp pháp của các giấy tờ có trong hồ sơ và tính xác thực của các thông tin về người xin nhập quốc tịch:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ theo quy định được tiếp nhận ghi Sổ thụ lý hồ sơ, cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ có đóng dấu treo cho người nộp hồ sơ;

- Trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ các giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, Sở Tư pháp thông báo ngay để người xin nhập quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Kết quả trực tiếp phỏng vấn được lập thành văn bản.

Bước 3: Sở Tư pháp thẩm tra và chuyển hồ sơ xác minh:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm tra của Công an Thành phố, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề xuất gửi Bộ Tư pháp.

Đối với các trường hợp có thông báo thực hiện thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài của Bộ Tư pháp thì tiến hành thôi quốc tịch nước ngoài và cung cấp giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài cho Bộ Tư pháp.

Bước 4: Bộ Tư pháp và Văn phòng Chủ tịch nước tiếp nhận hồ sơ giải quyết:

** Đối với người xin nhập quốc tịch Việt Nam không thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài:*

▪ Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi văn bản thông báo cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

** Đối với người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không quốc tịch.*

▪ Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

▪ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

▪ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh để thông báo cho người nộp hồ sơ nhập quốc tịch Việt Nam.

Bước 5: Bộ Tư pháp thông báo kết quả giải quyết

▪ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định của Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp gửi cho người được nhập quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định, kèm theo bản trích sao danh sách.

▪ Gửi Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh nơi tiếp nhận hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Sở Tư pháp Thành phố.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam gồm có các giấy tờ sau đây:

+ Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam.

+ Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu của người xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch nước ngoài của người đó; Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà người con chưa thành niên sinh sống cùng người nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc theo mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc nhập quốc tịch Việt Nam cho con.

+ Bản khai lý lịch.

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.

+ Giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt của người xin nhập quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ: Bản sao bằng tốt nghiệp sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận trình độ tiếng Việt do cơ sở đào tạo tiếng Việt của Việt Nam.

+ Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam: Bản sao Thẻ thường trú.

+ Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam (gồm một trong số các giấy tờ: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy xác nhận mức lương hoặc thu nhập do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc cấp; giấy xác nhận của cơ quan thuế về thu nhập chịu thuế; giấy tờ chứng minh được sự bảo lãnh của tổ chức cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi thường trú của người xin nhập quốc tịch Việt Nam về khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người đó).

b) Người xin nhập quốc tịch Việt Nam được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì phải nộp một số giấy tờ chứng minh điều kiện được miễn:

- Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam phải nộp bản sao giấy chứng nhận kết hôn chứng minh quan hệ hôn nhân.

- Người là cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam phải nộp bản sao giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.

- Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải nộp bản sao Huân chương, Huy chương, giấy chứng nhận danh hiệu cao quý khác hoặc giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam.

- Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải nộp giấy chứng nhận của cơ quan tổ chức nơi người đó làm việc, được cơ quan quản lý nhà nước cấp Bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận về việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển của một trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao.

Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong các hồ sơ phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ

- Thời hạn giải quyết: 115 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

- Lệ phí: 3.000.000 đồng/trường hợp

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2010- ĐXNQT.1);

+ Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Dùng cho người xin nhập quốc tịch theo quy định của Điều 22 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008) (Mẫu TP/QT-2010-ĐXNQT.3)

+ Tờ khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2010-TKLL)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở Việt Nam có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- b) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;
- c) Biết tiếng Việt đủ để hòa nhập vào cộng đồng Việt Nam;
- d) Đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;
- đ) Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

2. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải có các điều kiện quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản 1 Điều này, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- a) Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;
- b) Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;
- c) Có lợi cho nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Người nhập quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người quy định tại Khoản 2 Điều này, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép.

4. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên gọi Việt Nam. Tên gọi này do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

5. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2009);

+ Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2009);

+ Thông tư số 146/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch (có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 9 năm 2009).

+ Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2010).

+ Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 5 năm 2010).

Mẫu TP/QT-2010- ĐXNQT.1

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):

.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:

Cấp ngày, tháng, năm:

Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

Địa chỉ cư trú trước khi nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....

Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:

.....

Thẻ thường trú số:, cấp ngày, tháng, năm:

Cơ quan cấp:, cấp lần thứ

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

.....

.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (6):

.....

.....

.....

Tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin thề trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có):

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam

Về quốc tịch hiện nay (7):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có): <input type="checkbox"/>	Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (nếu có) thuộc trường hợp đặc biệt: <input type="checkbox"/>
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

.....

.....

....., ngày tháng năm.....

-

-

-

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (4) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (5) *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
- (6) *Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam;*
- (7) *Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn.*

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM
**(Dùng cho người xin nhập quốc tịch theo quy định
của Điều 22 Luật Quốc tịch Việt Nam)**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

.....

Nơi đăng ký khai sinh (nếu có) (3):

.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):.....

Địa chỉ cư trú trước khi nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):.....

.....

Địa chỉ nơi cư trú tại Việt Nam:

.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

.....

Tôi đã sống ổn định tại Việt Nam từ đến và không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh quốc tịch của mình. Do vậy, tôi làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

.....

Tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin thể trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có):

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam	Ý kiến và chữ ký của con từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

.....

.....

.....

....., ngày.. ... tháng năm.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH**Họ và tên cha:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên vợ /chồng:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (4) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch
- (5) Ghi rõ loại giấy tờ gì.

2. Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người xin thôi quốc tịch Việt Nam nếu cư trú ở trong nước thì nộp hồ sơ trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

Bước 2: Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh

- Trong trường hợp hồ sơ không có đầy đủ các giấy tờ quy định hoặc không hợp lệ theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp thông báo ngay để người xin thôi quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú ở trong nước thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện: Đăng thông báo việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Công an Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

Bước 3: Bộ Tư pháp tiếp nhận hồ sơ giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin thôi quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được thôi quốc tịch Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

▪ Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công an xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Bộ Công an nhận được đề nghị của Bộ Tư pháp, Bộ Công an trả lời kết quả xác minh.

Bước 4: Văn phòng Chủ tịch nước tiếp nhận hồ sơ giải quyết

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Bước 5: Thông báo kết quả giải quyết

▪ Bộ Tư pháp thông báo cho người xin thôi quốc tịch Việt Nam về kết quả giải quyết việc thôi quốc tịch Việt Nam và đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

▪ Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Sở Tư pháp Thành phố

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam gồm:

+ Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam;

+ Bản khai lý lịch;

+ Bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác (một trong các giấy tờ sau đây có giá trị chứng minh người có quốc tịch Việt Nam: Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi);

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó

không quy định về việc cấp giấy này. Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài).

+ Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục Thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp;

+ Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam (do thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, cách chức, giải ngũ hoặc phục viên căn cứ vào quy chế của ngành để xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không ảnh hưởng đến việc bảo vệ bí mật quốc gia hoặc không trái với quy định của ngành đó).

b) Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú ở trong nước thì không phải nộp các giấy tờ:

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục Thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp;

+ Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

c) Số lượng hồ sơ: 03 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 80 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính

- **Lệ phí:** 2.500.000 đồng/trường hợp

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2010-ĐXTQT.1)

+ Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (*Dùng cho người giám hộ làm đơn xin cho người được giám hộ*), TP/QT-2010-ĐXTQT.2

+ Tờ khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2010-TKLL)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Người xin thôi quốc tịch Việt Nam chưa được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam;

- Đang bị tạm giam để chờ thi hành án;

- Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng.

b) Người xin thôi quốc tịch Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

c) Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2009);

+ Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2009);

+ Thông tư số 146/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch (có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 9 năm 2009).

+ Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2010).

+ Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 5 năm 2010).

Mẫu TP/QT-2010-DXTQT.1

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):

Số:

Cấp ngày, tháng, năm:, Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu có):

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

.....

.....

.....

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây được thôi quốc tịch Việt Nam (nếu có):

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có)

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-

....., ngày.. ... tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (4) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (5) Ghi rõ loại giấy tờ gì.

Mẫu TP/QT-2010- ĐXTQT.2

Ảnh 4 x 6
(Của người chưa
thành niên chụp
chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người giám hộ làm Đơn xin cho người được giám hộ)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên người giám hộ làm Đơn (1):.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Quốc tịch hiện nay (3):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (4):Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Quan hệ giữa người giám hộ làm Đơn và người được giám hộ:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người được giám hộ có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam:

Họ và tên người xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:

Nơi đăng ký khai sinh (5):

Quốc tịch hiện nay:.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu có):.....

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

.....

Người làm đơn
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (4) *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
- (5) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh.*

Mẫu TP/QT-2010-TKLL

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:

Cấp ngày, tháng, năm:, Cơ quan cấp

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên vợ /chồng:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (4) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (5) Ghi rõ loại giấy tờ gì.

3. Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1:

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nếu cư trú ở trong nước thì trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

Bước 2: Sở Tư pháp thành phố:

- Kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ các giấy tờ quy định hoặc không hợp lệ theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp thông báo ngay để người xin trở lại quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp; trong thời gian này, Sở Tư pháp tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm tra của Công an Thành phố, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

Bước 3: Bộ Tư pháp

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi

quốc tịch nước ngoài của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

▪ Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin trở lại quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

▪ Trong trường hợp cần thiết phải xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ Công an xác minh.

▪ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tư pháp, Bộ Công an xác minh và trả lời kết quả cho Bộ Tư pháp.

Bước 4: Văn phòng Chủ tịch nước

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Bước 5: Thông báo kết quả giải quyết

▪ Bộ Tư pháp có trách nhiệm thông báo cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam về kết quả giải quyết việc nhập quốc tịch Việt Nam và đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

▪ Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm gửi đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Sở Tư pháp

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam;

+ Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;

+ Bản khai lý lịch;

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (Các giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: bản sao Giấy khai sinh; bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam; giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó);

+ Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam (Xin hồi hương về Việt Nam; Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam; Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Thực hiện đầu tư tại Việt Nam; Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài; giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục xin hồi hương về Việt Nam hoặc bản sao giấy tờ chứng nhận việc đầu tư tại Việt Nam).

+ Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc trở lại quốc tịch Việt Nam của con.

Số lượng hồ sơ: 03 bộ

Thời hạn giải quyết: 85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính

- **Lệ phí:** 2.500.000 đồng/trường hợp

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2010- ĐXTLQT.1)

+ Tờ khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2010-TKLL)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người đã mất quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 26 của Luật Quốc tịch

Việt Nam có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- Xin hồi hương về Việt Nam;
- Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam;
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Thực hiện đầu tư tại Việt Nam;
- Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây, tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

Người được trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người sau đây, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép:

- Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2009);

+ Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2009);

+ Thông tư số 146/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính

hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch (có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 9 năm 2009).

+ Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2010).

+ Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch. (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 5 năm 2010).

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:

Cấp ngày, tháng, năm:, Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu có):

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh (nếu có):

Địa chỉ nơi cư trú:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

Trước đây tôi đã có quốc tịch Việt Nam, nhưng đã mất quốc tịch Việt Nam từ ngày
..... tháng năm

Về quốc tịch hiện nay (9):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có):</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (nếu có) thuộc trường hợp đặc biệt:</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được trở lại quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày..... tháng năm

-
-
-

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (4) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (5) Ghi rõ loại giấy tờ gì;
- (6) Ghi rõ mất quốc tịch Việt Nam trong trường hợp nào;
- (7) Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam;
- (8) Ghi rõ trở lại hay nhập quốc tịch Việt Nam;
- (9) Đánh dấu "X" vào 1 trong 2 lựa chọn.

(Mẫu TP/QT-2010-TKLL)

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số

Cấp ngày, tháng, năm:, Cơ quan cấp

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên vợ /chồng:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (4) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (5) *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

4. Thủ tục xác nhận có quốc tịch Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Người có yêu cầu xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam phải trực tiếp nộp hồ sơ. Trong trường hợp là người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì thông qua cha mẹ hoặc người giám hộ nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

Người đến nộp hồ sơ phải xuất trình Hộ khẩu, Thẻ thường trú hoặc xác nhận nơi cư trú do cơ quan công an xã, phường, thị trấn có thẩm quyền cấp để xác định thẩm quyền giải quyết.

Bước 2: Sở Tư pháp

- Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ các giấy tờ quy định hoặc không hợp lệ theo quy định của pháp luật về quốc tịch, Sở Tư pháp thông báo ngay để người xin trở lại quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu danh sách những người đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch Việt Nam và danh sách những người bị tước quốc tịch Việt Nam.

Bước 3: Bộ Tư pháp

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp tra cứu trong hệ thống lưu trữ quốc tịch danh sách những người đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch Việt Nam, danh sách những người bị tước quốc tịch Việt Nam và trả lời kết quả.

Bước 4: Sở Tư pháp

Căn cứ giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam và kết quả tra cứu của Bộ Tư pháp, nếu xét thấy có đủ cơ sở để khẳng định người đứng đơn có quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản trong đó xác nhận người đó có quốc tịch Việt Nam.

Trường hợp không đủ cơ sở để khẳng định người đứng đơn có quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Sở Tư pháp.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam, trong đơn ghi rõ mục đích của việc xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

+ Giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, là bản sao có chứng thực sao y bản chính hoặc bản chụp kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của một trong các giấy tờ quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam gồm:

▪ Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ;

▪ Giấy chứng minh nhân dân;

▪ Hộ chiếu Việt Nam;

▪ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp không xác định nơi thường trú thì phải có đăng ký tạm trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Là công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, trước khi xuất cảnh có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người không có quốc tịch (không có quốc tịch Việt Nam và không có quốc tịch nước ngoài) đang tạm trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Là người có quốc tịch nước ngoài đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2009);

+ Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2009);

+ Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2010).

5. Thủ tục xác nhận là người gốc Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Công dân Việt nam khi có yêu cầu xin xác nhận là người gốc Việt Nam phải trực tiếp nộp hồ sơ. Trong trường hợp là người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì thông qua cha mẹ hoặc người giám hộ nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

Người đến nộp hồ sơ phải xuất trình Hộ khẩu hoặc Thẻ thường trú hoặc xác nhận nơi cư trú do cơ quan công an xã, phường, thị trấn có thẩm quyền cấp để xác định thẩm quyền giải quyết.

Bước 2: Sở Tư pháp

- Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ các giấy tờ quy định hoặc không hợp lệ theo quy định của pháp luật về quốc tịch, Sở Tư pháp thông báo ngay để người xin trở lại quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam, Sở Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu danh sách những người đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch Việt Nam và danh sách những người bị tước quốc tịch Việt Nam.

Bước 3: Bộ Tư pháp

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Tư pháp tra cứu trong hệ thống lưu trữ quốc tịch và trả lời kết quả.

Bước 4: Thông báo kết quả

Căn cứ kết quả kiểm tra và tra cứu, nếu xét thấy có đủ cơ sở để khẳng định người đứng đơn là người gốc Việt Nam, thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất các thủ tục kiểm tra, xem xét, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản trong đó xác nhận người đó là người gốc Việt Nam.

Trường hợp không đủ cơ sở để khẳng định người đứng đơn là người gốc Việt Nam Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Sở Tư pháp.

- Thành phần số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin xác nhận là người gốc Việt Nam, trong đơn ghi rõ mục đích của việc xin xác nhận là người gốc Việt Nam.

+ Bản sao hoặc bản chụp kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch đó được xác định theo huyết thống, là một trong các giấy tờ quy định tại Điều a, Khoản 1, Điều 10 của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP như sau:

- Giấy khai sinh;
- Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2009);

+ Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2009);

+ Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2010).

6. Thủ tục ghi chú việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1:

- Người đề nghị ghi chú việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài hoàn thiện và nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp (tại số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

- Người đề nghị ghi chú có thể ủy quyền cho người khác thực hiện việc ghi chú. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được chứng thực hợp lệ. Nếu người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, vợ/chồng, con, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì không cần phải có văn bản ủy quyền nhưng phải xuất trình giấy tờ chứng minh mối quan hệ.

+ Bước 2:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có công văn gửi Vụ Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp đề nghị xem xét về điều kiện ghi chú ly hôn.

+ Bước 3:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp xem xét việc cho ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài. Nếu xét thấy bản án, quyết định ly hôn, bản thỏa thuận ly hôn không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 356 của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có đơn yêu cầu không công nhận, thì Bộ Tư pháp gửi công văn cho Sở Tư pháp có thẩm quyền để thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài; nếu không đủ điều kiện, Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp và giải thích rõ lý do bằng văn bản.

+ Bước 4:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch và cấp cho đương sự Giấy xác nhận về việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài. Trường hợp không đủ điều kiện để ghi chú thì trả lời bằng văn bản và trả lại hồ sơ cho đương sự.

Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan Sở Tư pháp

+ Hoặc gửi qua đường bưu điện

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh việc ly hôn, là một trong các giấy tờ: Bản án/Quyết định ly hôn của Tòa án nước ngoài đã có hiệu lực thi hành; Bản thỏa thuận ly hôn do Tòa án nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của nước ngoài công nhận đã có hiệu lực thi hành hoặc các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp công nhận việc ly hôn;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế để chứng minh nhân thân của người có đơn yêu cầu;

+ Bản sao hộ khẩu, trong trường hợp công dân Việt Nam ở nước ngoài về thường trú tại Việt Nam, có yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn mà việc kết hôn trước đây đã được đăng ký tại Cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 13 ngày

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận

- Lệ phí: 50.000 đ/trường hợp

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài (Mẫu TP/HT-2010-TK.GCLH)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 16/2010/TT-BTP ngày 08 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài.

(Mẫu TP/HT-2010-TK.GCLH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC LY HÔN ĐÃ TIẾN HÀNH Ở NƯỚC NGOÀI

Kính gửi:

Họ và tên người khai:

Quốc tịch:

Số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Nơi thường trú/ tạm trú:

Số điện thoại (nếu có)

Quan hệ với người ghi chú việc ly hôn:

Đề nghị Sở Tư pháp ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cho người có tên dưới đây:

Họ và tên: Giới tính:

Ngày tháng năm sinh:

Quốc tịch:

Số CMND/ Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Nơi thường trú/tạm trú:

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh:

.....

Nơi đăng ký kết hôn trước đây:

.....

Đã ly hôn với ông/bà:

Họ và tên

Số CMND/ Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế

Nơi thường trú/tạm trú:

tại (ghi rõ tên nước):.....theo (ghi rõ hình thức văn bản: Bản án/quyết định/thỏa thuận/các hình thức khác):.....

đã có hiệu lực pháp luật số....., ngày...../...../..... của (ghi rõ tên cơ quan công nhận việc ly hôn).....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật, nếu khai sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tài liệu gửi kèm theo Tờ khai:

.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

7. Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2 cho cá nhân

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh) từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

+ Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp hợp lệ, Sở Tư pháp gửi Phiếu xác minh lý lịch tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ đến các cơ quan có thẩm quyền, đồng thời thực hiện việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp tại cơ sở dữ liệu của Sở Tư pháp.

+ Bước 3:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu xác minh lý lịch tư pháp, Công an Thành phố tra cứu thông tin về tình trạng án tích của đương sự và gửi cho Sở Tư pháp kết quả tra cứu; trường hợp phải tra cứu thông tin trong hệ thống hồ sơ, tàng thư của Bộ Công an thì thời hạn không quá 09 ngày làm việc.

Trường hợp cần tra cứu thêm thông tin lý lịch tư pháp tại Tòa án thì thời hạn tra cứu không quá 05 ngày làm việc.

+ Bước 4:

Sau khi có kết quả xác minh từ các cơ quan có thẩm quyền, đối chiếu với kết quả tra cứu thông tin về lý lịch tư pháp tại cơ sở dữ liệu của Sở Tư pháp, Sở Tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (theo mẫu).

+ Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

+ Sổ hộ khẩu hoặc sổ đăng ký tạm trú hoặc Thẻ thường trú (bản sao kèm bản chính để đối chiếu) hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nơi cư trú.

Trong trường hợp cá nhân ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì

phải kèm: văn bản ủy quyền đã được công chứng, chứng thực hợp lệ và chứng minh nhân dân (bản sao kèm bản chính để đối chiếu) của người được ủy quyền. Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì không cần văn bản ủy quyền nhưng phải xuất trình giấy tờ chứng minh mối quan hệ nêu trên.

Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Ngoài ra, người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc đối tượng được miễn hoặc giảm lệ phí phải xuất trình các giấy tờ để chứng minh.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ cần xác minh nhiều nơi thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2.

- **Lệ phí:**

- Mức thu lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như sau (được cấp 02 Phiếu lý lịch tư pháp):

+ Lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/lần/người

+ Lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ: 100.000 đồng/lần/người

Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ Phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp được thu thêm 3.000 đồng/phiếu.

- Những trường hợp sau đây được miễn lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp:

+ Người thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật;

+ Người cư trú tại xã đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (mẫu số 03/TT-LLTP);

+ Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1): mẫu số 04/TT-LLTP

- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** không

- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009 (có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2010).

+ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 10 tháng 01 năm 2011).

+ Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 12 tháng 8 năm 2011).

+ Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 20 tháng 01 năm 2012).

+ Công văn số 648/TTLTPQG-HCTH ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Trung tâm lý lịch Tư pháp quốc gia - Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Mẫu số 03/TT-LLTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

(Dùng cho cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và số 2)

Kính gửi:

1. Tên tôi là ⁱ:

2. Tên gọi khác (nếu có):..... 3. Giới tính:.....

4. Ngày, tháng, năm sinh:/ /

5. Nơi sinh ⁱⁱ:.....

6. Quốc tịch:..... 7. Dân tộc:.....

8. Nơi thường trú ³:.....

9. Nơi tạm trú ⁴:.....

10. Giấy CMND/Hộ chiếu:..... ⁵ Số:.....

Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:

11. Số điện thoại/e-mail:

PHẦN KHAI VỀ CHA, MẸ, VỢ/CHỒNG

	CHA	MẸ	VỢ/CHỒNG
Họ và tên			
Ngày, tháng, năm sinh			

QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA BẢN THÂN

(Tính từ khi đủ 14 tuổi)

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/ Tạm trú	Nghề nghiệp và nơi làm việc

Phần khai về án tích, nội dung bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):

.....

Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp⁶: **Số 1** **Số 2**

Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản (trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp **số 1**): Có Không

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:.....Phiếu.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

i Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

ii Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.

3, 4 Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

5 Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

6 Phiếu lý lịch tư pháp số 1 là Phiếu ghi các án tích chưa được xóa và không ghi các án tích đã được xóa; thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chỉ ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1 khi cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

Phiếu lý lịch tư pháp số 2 là Phiếu ghi đầy đủ các án tích, bao gồm án tích đã được xóa và chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Mẫu số 04/TT-LLTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP
(Dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1)

Kính gửi:

1. Tên tôi là ⁱⁱⁱ:
2. Tên gọi khác (nếu có): 3. Giới tính:
4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 5. Nơi sinh ^{iv}:
6. Địa chỉ ³: Số điện thoại:
7. Giấy CMND/Hộ chiếu: ⁴ Số:
Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:
8. Được sự ủy quyền của Ông/Bà:
- 8.1. Mối quan hệ với người ủy quyền ⁵:
- 8.2. Theo văn bản ủy quyền ký ngày ⁶.....tháng.....năm.....
Tôi làm Tờ khai này đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người có tên dưới đây:

PHẦN KHAI VỀ NGƯỜI ỦY QUYỀN

1. Họ và tên ⁷:
2. Tên gọi khác (nếu có): 3. Giới tính:
4. Ngày, tháng, năm sinh: / / 5. Nơi sinh ²:
6. Quốc tịch: 7. Dân tộc:
8. Nơi thường trú ⁸:
9. Nơi tạm trú ⁹:
10. Giấy CMND/Hộ chiếu: ⁴ Số:
Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:
11. Số điện thoại/e-mail:

PHẦN KHAI VỀ CHA, MẸ, VỢ/CHỒNG CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN

	CHA	MẸ	VỢ/ CHỒNG
Họ và tên			
Ngày, tháng, năm sinh			

QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Tính từ khi đủ 14 tuổi)

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/ Tạm trú	Nghề nghiệp và nơi làm việc

Phân khai về án tích, về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):

.....

Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản: Có Không

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:.....Phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

iii Họ và tên người được ủy quyền, ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

iv Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.

3 Ghi rõ địa chỉ để liên lạc khi cần thiết.

4 Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

5 Ghi rõ mối quan hệ trong trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền; trong trường hợp này không cần có văn bản ủy quyền.

6 Ghi rõ trong trường hợp có văn bản ủy quyền

7 Ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu

8, 9 Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

9. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoàn chỉnh văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và nộp trực tiếp tại Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh) từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp hợp lệ, Sở Tư pháp gửi Phiếu xác minh lý lịch tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ đến các cơ quan có thẩm quyền, đồng thời thực hiện việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp tại cơ sở dữ liệu của Sở Tư pháp.

+ Bước 2:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu xác minh lý lịch tư pháp, Công an Thành phố tra cứu thông tin về tình trạng án tích của đương sự và gửi cho Sở Tư pháp kết quả tra cứu; trường hợp phải tra cứu thông tin trong hệ thống hồ sơ, tàng thư của Bộ Công an thì thời hạn không quá 09 ngày làm việc.

Trường hợp cần tra cứu thêm thông tin lý lịch tư pháp tại Tòa án thì thời hạn tra cứu không quá 05 ngày làm việc.

+ Bước 3:

Sau khi có kết quả xác minh từ các cơ quan có thẩm quyền, đối chiếu với kết quả tra cứu thông tin về lý lịch tư pháp tại cơ sở dữ liệu của Sở Tư pháp, Sở Tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan, tổ chức có văn bản yêu cầu.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (theo mẫu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ cần xác minh nhiều nơi thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Phiếu lý lịch tư pháp số 1.

- **Lệ phí:** Không thu lệ phí.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (mẫu số 05a/TT-LLTP)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009 (có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2010).

+ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 10 tháng 01 năm 2011).

+ Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 12 tháng 8 năm 2011).

Mẫu số 05a/TT- LLTP
(Mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 1
dành cho cơ quan, tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày..... tháng.....năm.....

Kính gửi:¹

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009,
.....² đề nghị¹
cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của người có tên dưới đây:

1. Họ và tên:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):.....
3. Giới tính:.....
4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
5. Nơi sinh:.....
6. Quốc tịch:.....
7. Dân tộc:
8. Nơi thường trú:
9. Nơi tạm trú:
10. Giấy CMND/Hộ chiếu:..... Số:.....
- Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:
11. Mục đích sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp:

Nơi nhận:

- Như trên;
-

.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

² Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng